

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 37/2024/HSST

Ngày: 29/10/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thúc.

2. Ông YDHiều HMôk.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HS, ngày 11 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: La Văn T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày: 12/03/2000; Tại tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: Xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Nơi ở hiện tại: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Cha: La Văn T1, sinh năm 1971; Mẹ: Ma Thị V; sinh năm 1973; Anh chị em ruột: Bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/8/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Y Đơn M; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/4/2001; Tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê Đê; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Cha: Y Má L, sinh năm 1977 (đã chết); Mẹ: H Man Mlô, sinh năm 1979; Anh chị em ruột: Bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Bị

cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Bản án số 24/2024/HS-ST, ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk xét xử bị cáo mức hình phạt 06 tháng tù, bị cáo chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc chấp hành hình phạt.

Bị hại: Công ty TNHH H1;

Địa chỉ: TDP A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện ủy quyền:

Ông Trần Hoài T2, đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Hoài T2, đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 6, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Hoàng Thị M1, vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn Mũi 3, xã Cư Né, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk

3. Bà H Mát N, vắng mặt.

4. Ông Y Biêr M2, vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 04/8/2024, La Văn T hỏi mượn chị H Mát N1 (bạn gái của T), sinh năm 2006, trú tại buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A31 để đi cầm cố, thì được H M3 đồng ý. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T điều khiển xe gắn máy loại Honda Cub 50 không rõ biển số (xe của ông Y Biêr M2, sinh năm 1970, trú tại buôn K, xã C, huyện K), mang theo chiếc điện thoại của chị H Mát đến 01 cửa hàng điện thoại di động (không nhớ địa chỉ) trên đường H, thuộc xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để cầm cố với số tiền 500.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực “ngã ba N” thuộc xã C, huyện K mua ma túy của 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T mang về nhà Y Đ và nói “*đang có một tép hàng (heroin) mày chơi không*” thì Y Đ đồng ý sử dụng. Lúc này, T và Y Đ đi vào phòng tắm của gia đình Y Đ và sử dụng ma túy bằng cách tiêm vào trong người. Sau khi sử dụng xong, T nói

với Y Đ “hàng này là tao cầm cố điện thoại di động của vợ tao lấy tiền mua đó, giờ tao không có tiền chuộc lại điện thoại, chiều nay mày đi với tao đi kiếm tiền” thì Y Đ nói “giờ không biết kiếm tiền ở đâu”, nghe vậy, T nói tiếp “tao biết một chỗ có cuộn sắt ở trên Buôn H, chiều nay mày đi với tao lấy để bán lấy tiền chuộc điện thoại” thì Y Đ đồng ý đi cùng.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T điều khiển xe gắn máy (xe của ông Y Biêr M2) chở Y Đ đi đến khu vực Nghĩa trang L1 thuộc phường Đ, thị xã B. Tại đây, T nói “Tí mình đi lấy sắt ở bên đó” (đường vào buôn K, phường Đ, thị xã B) và “ở đây chờ đến tối rồi đi”. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T chở Y Đ đến khu có lán trại của công trình trên đường Y thuộc buôn K, phường Đ, thị xã B rồi để xe gắn máy cách lán trại khoảng 100 mét. Do thấy tại lề đường có 01 chiếc xe ban và 01 chiếc xe lu thuộc sở hữu của Công ty TNHH H1, địa chỉ TDP A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, không có người trông coi, nên T nói “Bây giờ không có cái gì để lấy thì tháo lấy mấy cái bình xe này để bán lấy tiền”, thì Y Đ đồng ý. Sau đó, cả hai đi đến bên cạnh xe ban, Y Đ tháo thanh sắt bảo vệ bình ắc quy ra và cùng với T dùng tay lắc cho dây điện lỏng ra để tháo lấy bình, rồi Y Đ lấy bình ắc quy ra mang đến chỗ xe gắn máy. Sau đó, Y Đ tiếp tục quay lại cùng T đi đến chỗ xe lu tìm vị trí gắn bình ắc quy, T phát hiện vị trí gắn 02 bình ắc quy có nắp đậy và khóa bằng ổ khóa, Y Đ nhặt 01 cây sắt dài khoảng 25cm ở gần đó để cạy ổ khóa, sau khi ổ khóa bung ra T lấy 02 bình ắc quy ra khỏi xe và cùng Y Đ mang ra chỗ xe gắn máy, cả hai mang 03 bình ắc quy trộm cắp được đi về xã C, huyện K.

Đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, khi đi đến khu vực ngã ba đường rẽ vào buôn D, xã C, huyện K do đã muộn nên cả hai giấu 03 cái bình ắc quy vào 01 bụi cây ở ven đường rồi đi về nhà của Y Đ để ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 05/8/2024, T điều khiển xe gắn máy chở Y Đ đến vị trí giấu bình ắc quy trước đó rồi mang 03 bình ắc quy đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Hoàng Thị M1 ở buôn M, xã C, huyện K bán được 1.130.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T chở Y Đ đến tiệm điện thoại đã cầm cố trước đó sử dụng 520.000 đồng chuộc lại điện thoại trả cho H Mát. Do điện thoại bị nứt màn hình nên T yêu cầu chủ cửa hàng thay màn hình số tiền là 250.000 đồng, mua thuốc hút và đồ xăng hết 130.000 đồng, chia cho Y Đ 115.000 đồng và giữ lại cho bản thân số tiền 115.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản 2516 UBND thị xã B, kết luận: 01 bình ắc quy, kích thước 50cm x 18cm x 18 cm nhãn hiệu SWAN, loại 6-QW-185min (700) –KN120, thân bình màu trắng nắp bình màu đen đã qua sử dụng; 02 bình ắc quy, kích thước 40cm x 16cm x 14cm, nhãn hiệu TROY, loại N100, thân bình màu trắng, nắp bình màu cam đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 04/8/2024 trị giá 2.900.000 đồng (Hai triệu, chín trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSBH, ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố các bị cáo La Văn T và Y Đon M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, tại phần luận tội Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo La Văn T mức hình phạt tù 09 tháng đến 01 năm tù. Thời gian tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Y Đon M từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt tạm giam. Áp dụng điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù đối với Bản án số 24/2024/HS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, mà bị cáo chỉ xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu giữ được có trong hồ sơ vụ án. Do nghiện chất ma túy, bị cáo La Văn T đã có hành vi rủ rê bị cáo Y Đon M thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của Công ty TNHH H1. Trị giá tài sản bị xâm hại được xác định giá trị là 2.900.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Xét hành vi của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo là người có đủ nhận thức và biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, thế nhưng do nghiện ma túy và ý thức coi thường pháp luật, nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần buộc các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo, ngoài ra còn răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, có hai bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm. Trong đó vai trò từng bị cáo cũng khác nhau nên cần phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo La Văn T là người nghiện chất ma túy, là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo bị cáo Y Đơn M thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp, đóng vai trò chính trong vụ án nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn.

Đối với bị cáo Y Đơn M biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì nghiện ma túy nên khi nghe La Văn T rủ rê, lôi kéo bị cáo Y Đơn M thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp thì bị cáo đồng ý tham gia ngay. Bị cáo cùng tham gia với vai trò thực hành, đóng vai trò quan trọng trong vụ án nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhưng cần xem xét cho hưởng mức hình phạt nhẹ hơn so với La Văn T.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo La Văn T phạm tội lần đầu thuộc rường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người dân tộc thiểu số. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Tình tiết tăng nặng: Không.

[6]. Đối với hành vi mua ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo xảy ra tại địa bàn huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã chuyển nguồn tin về tội phạm và các tài liệu liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo thẩm quyền là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với bà Hoàng Thị M1 là chủ tiệm thu mua phế liệu đã mua 03 bình ắc quy do các bị cáo trộm cắp, nhưng khi mua bà M1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B không xem xét xử lý là có căn cứ.

[7]. Xử lý vật chứng:

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả lại cho anh Trần Hoài T2 là người được giao quản lý hợp pháp tài sản của Công ty TNHH H1 (một) bình ắc quy, kích thước 50cm x 18cm x 18cm, nhãn hiệu SWAN, loại 6-QW-185min(700)-K N120, thân bình màu trắng, nắp bình màu đen đã qua sử dụng; 02 (hai) bình ắc quy, kích thước 40cm x 16cm x 14 cm, nhãn hiệu TROY, loại N100, thân bình màu trắng, nắp bình màu cam đã qua sử dụng.

Đối với chiếc xe gắn máy loại Honda Cub 50 (không rõ biển số), bị cáo La Văn T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp. Chiếc xe này là tài sản hợp pháp của ông Y Biêr M2. Ông Y B không biết việc bị cáo T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan CSĐT không xem xét, xử lý.

[8]. Về phần dân sự: Người được giao quản lý hợp pháp tài sản của Công ty TNHH H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Bà Hoàng Thị M1 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.130.000 đồng mà bà M1 đã bỏ ra để mua lại 03 bình ắc quy nên không giải quyết.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo La Văn T và Y Đ M1 phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên xử: Bị cáo La Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 09/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 56 Bộ Luật hình sự.

Tuyên xử: Bị cáo Y Đon M 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này (09 tháng tù) và hình phạt (06 tháng tù) của bản án số 24/2024/HS-ST, ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 26/8/2024.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã giao trả cho anh Trần Hoài T2 là người được giao quản lý hợp pháp tài sản của Công ty TNHH

H1 (một) bình ắc quy nhãn hiệu SWAN, loại 6-QW-185min (700)-K N120 đã qua sử dụng; 02 (hai) bình ắc quy nhãn hiệu TROY, loại N100 đã qua sử dụng.

Đối với chiếc xe gắn máy loại Honda Cub 50 (không rõ biển số), bị cáo La Văn T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp là tài sản của ông Y Biêr M2. Ông Y B không biết việc bị cáo T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan CSĐT không xem xét, xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Người được giao quản lý hợp pháp tài sản của Công ty TNHH H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Bà Hoàng Thị M1 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.130.000 đồng mà bà M1 đã bỏ ra để mua lại 03 bình ắc quy nên không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo La Văn T và Y Đ Mlô mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo La Văn T và Y Đ Mlô có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND thị xã Buôn Hồ;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan thi hành án hình sự - Công an thị xã Buôn Hồ;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ - Công an thị xã Buôn Hồ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Long